TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PH** **TỈNH HẬU GIANG** Bản án số:191/2024/HNGĐ-ST Ngày: 30 - 10 - 2024 V/v "Tranh chấp về chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PH-TỈNH HẬU GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn T Liêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Loan;
2. Ông Phan Công Điện.

***-Thư ký phiên tòa*:** Bà Đoàn Thị Yến Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Hậu Giang.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PH, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa*:** Bà Trần Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08 và ngày 30 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 98/2024/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 02 năm 2024 về việc *"Tranh chấp về chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 178/2024/QĐXXST-HN, ngày 23 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Đinh Thị N**, sinh năm 1953.

Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện PH, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Ông **Huỳnh Văn M**, sinh năm 1951.

Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện PH, tỉnh Hậu Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Huỳnh Thị T, Huỳnh Thị N và Huỳnh Tú E.

Cùng địa chỉ: ấp P, xã T, huyện PH, tỉnh Hậu Giang.

3.2 Ủy ban nhân dân huyện PH, tỉnh Hậu Giang.

Địa chỉ: ấp Mỹ Lợi, thị trấn Cây Dương, huyện PH, tỉnh Hậu Giang.

Người Đại diện theo pháp luật: Ông Trương Minh K, chức vụ: Chủ tịch.

Người bảo vệ, quyền lợi ích hợp pháp cho Ủy ban nhân dân huyện PH là ông Trương Thanh B. Chức vụ: Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện PH.

Các đương sự có mặt, Huỳnh Thị N và Huỳnh Tú E có đơn xin xét xử vắng mặt. Huỳnh Thị T vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết, nguyên đơn Đinh Thị N trình bày:

Vào năm 1972, nguyên đơn và bị đơn Huỳnh Văn M được gia đình hai bên tổ chức đám cưới và chung sống như vợ chồng, có 06 người con chung, không ai bị mất năng lực hành vi dân sự. Trong thời gian chung sống vợ chồng có có tạo lập được khối tài sản là khoảng 10 công tầm lớn đất ruộng và một căn nhà cấp 04 trên phần đất thổ cư. Đất đã có giấy nhưng do bị đơn cất giữ. Trong 06 người con thì cũng không có ai có công sức đóng góp gì vào khối tài sản chung nêu trên.

Trên đất này có một căn nhà duy nhất là do nguyên đơn và con với các cháu nội ở, lâu lâu bị đơn mới về một lần rồi lại đi vì bị đơn có tình cảm với người đàn bà khác. Khi Nhà nước thu hồi làm cao tốc Châu Đốc – Cần Thơ – Sóc Trăng có thu hồi đất của gia đình, thu hồi gồm hết căn nhà trên và căn nhà dưới và một phần đất. Trên đất gồm có nhà và các công trình khác. Tất cả các hạng mục kèm theo nhà đều được liệt kê để bồi thường, nhà tại thời điểm đó là do nguyên đơn cùng con và các người cháu đang ở và gồm nhiều loại cây do nguyên đơn trồng, sau khi áp giá bồi thường, do bị đơn đứng tên giấy đất nên bị đơn nhận tất cả các khoản tiền.

Sau khi thu hồi thì nhà nước bồi thường, hỗ trợ gồm đất, nhà, vật kiến trúc, tổng số tiền 915.200.661 đồng, bị đơn trực tiếp nhận tiền nhưng sau khi nhận tiền xong thì bị đơn cất giữ xài riêng mà không chia cho nguyên đơn phần nào, mặc đù đã nhiều lần được địa phương động viên nhưng bị đơn vẫn không chia tiền cho nguyên đơn. Phần tiền là do bị đơn cho nhiều người mượn mới hết tiền, riêng việc bị đơn cho rằng lấy tiền chuộc đất thì nguyên đơn không hay biết.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết: Yêu cầu xin ly hôn với bị đơn, con chung đã trưởng thành, yêu cầu chia 10.000m^2 đất. Trong quá trình giả quyết và tại phiên tòa nguyên đơn rút yêu cầu xin ly hôn với bị đơn. Về tài

sản: Chỉ yêu cầu chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân gồm các chế độ bồi thường, tái định cư của phần đất bị thu hồi, cụ thể:

- Yêu cầu bị đơn Huỳnh Văn M phải chia lại cho nguyên đơn ½ số tiền mà bị đơn đã nhận. Cụ thể yêu cầu bị đơn chia trả lại nguyên đơn 457.600.330 đồng. Tại phiên tòa nguyên đơn tự nguyện yêu cầu bị đơn chia cho nguyên đơn 300.000.000 đồng trong tổng số tiền bồi thường.

- Đối với hai nền tái định cư, yêu cầu chia mỗi người một nền. Sau khi được chia thì nền của ai người đó có nghĩa vụ đóng các loại thuế và phí cho nhà nước.

Tại tòa, nguyên đơn xác định: Sau khi được chia theo yêu cầu của nguyên đơn, về sau này nếu nhà nước có chính sách hỗ trợ thêm số tiền nào từ phần đất bị thu hồi nêu trên thì nguyên đơn không yêu cầu chia nữa. XE như yêu cầu chia tài sản chung đối với phần đất bị thu hồi đã giải quyết xong.

Quá trình tố tụng bị đơn trình bày:

Thừa nhận lời trình bày của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân, con chung. Cha bị đơn là Huỳnh Văn C (Đã chết) và mẹ Lê Kim L (Đã chết) có phần đất tại ấp P, xã T.

Năm 1970 cha mẹ cho bị đơn canh tác, đây là tài sản riêng của bị đơn đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 1972 mới lập gia đình với nguyên đơn. Đây là tài sản riêng của nguyên đơn có trước hôn nhân. Từ khi được cho đất đến nay chưa có một văn bản nào xác nhận đây là tài sản chung với nguyên đơn. Các người con cũng không ai bỏ tiền bạc gì đóng góp mua các phần đất này.

Vừa qua có ảnh hưởng một phần đất và căn nhà do nhà nước thu hồi làm lộ và hồ sơ bồi thường do một mình bị đơn đứng tên nên bị đơn được bồi thường. Tại thời điểm căn nhà bị giải tỏa thì gồm nguyên đơn, bị đơn và con cháu cùng ở. Trước yêu cầu của nguyên đơn thì bị đơn không đồng ý chia 1/2 số tiền nhận bồi thường, vì hiện tại bị đơn đã cho đứa con út Huỳnh Tú E 300.000.000 đồng để cất nhà cho nguyên đơn ở nhưng nguyên đơn không chịu cất nên Huỳnh Tú E lấy tiền đó cất nhà cho bị đơn và Tú E ở. Số còn lại bị đơn chuộc 05 công đất, sau khi chuộc xong thì bị đơn đã làm thủ tục cho con Huỳnh Thị T và Huỳnh Thị N, đang làm thủ tục để cấp giấy đất cho hai người con vừa nêu.

Bị đơn có có cho một số người mượn tiền, mỗi người vài trăm đến 1 triệu đồng nhưng họ chưa trả cho bị đơn. Nay bị đơn không đồng ý chia cho nguyên đơn phần tiền nào vì là đất của riêng bị đơn và phần tiền nhận hiện

nay cũng không còn. Riêng hai nền tái định cư thì bị đơn chưa đồng ý chia.

Quá trình tố tụng Huỳnh Tú E trình bày: Sau khi cha của anh nhận tiền đất thì có giao cho anh 300.000.000 đồng để cất nhà cho mẹ ở nhưng mẹ không chịu và cuối cùng là anh lấy số tiền đó về xây nhà cho cha và anh đang ở hiện nay. Ngoài ra anh không trình bày gì thêm.

Quá trình tố tụng Huỳnh Thị N trình bày: Chị không có ý kiến và yêu cầu đối với yêu cầu chia tài sản của nguyên đơn.

Quá trình tố tụng Huỳnh Thị T vắng mặt M không có lời trình bày.

Đại diện Ủy ban nhân dân huyện PH là ông Trương Thanh B trình bày tại phiên tòa: Hai nền tái định cư của ông Huỳnh Văn M, tọa lạc tại khu tái định cư C thuộc ấp M, thị trấn C. Hiên nay, hai nền này đã qua giai đoạn bốc thăm, gia đình ông M đã bốc thăm. Về giá đất để tính thuế tiền sử dụng đất đối với các nền được tính tương ứng với từng vị trí: Vị trí I là 5.250.000đ/01m^2, Vị trí II là 4.988.000đ/01m^2, Vị trí III đến vị trí VII là 4.725.000/01m^2. Ngoài Quyết định số 10435/QĐ-UBND, ngày 01 tháng 01 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện PH ra thì hai nền tái định cư của ông Huỳnh Văn M chưa có giấy tờ nào khác có giá trị pháp lý. Theo thứ tự, sau khi bốc thăm thì ra quyết định giao đất, thu tiền thuế sử dụng đất, ra giấy đất.

Đối với yêu cầu chia hai nền tái định cư của nguyên đơn. Luật đất đai năm 2024 thì không cấp giấy đất cho hộ nữa mà cấp cho cá nhân, cá nhân có nghĩa vụ khai thành viên hộ. Việc yêu cầu chia mỗi người một nền thì được vì không ảnh hưởng diện tích tối thiểu. Tuy nhiên, nếu một nền mà chia hai thì không cấp giấy được vì không đảm bảo diện tích tối thiểu theo quy định.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Về thủ tục tố tụng: Tòa án, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn có nghĩa vụ chia nguyên đơn 300.000.000 đồng và 01 nến tái định cư.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là Tranh chấp về chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân được qui định tại khoản 2 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Huỳnh Thị N và Huỳnh Tú E có đơn xin xét xử vắng mặt. Huỳnh Thị T được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, vắng mặt không lý do nhưng không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử mở phiên tòa xét xử vắng mặt đối với đương sự này.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa bà Đinh Thị N và ông Huỳnh Văn M chung sống như vợ chồng vào năm 1972, tại thời điểm chung sống được xem là hôn nhân thực tế, hợp pháp. Đến ngày 09 tháng 4 năm 2012 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện PH, tỉnh Hậu Giang. Hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp.

[3.1] Tại phiên tòa nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn với bị đơn. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[4] Xét trong quá trình chung sống có phát sinh về việc quản lý, sử dụng tài sản chung M nguyên đơn yêu cầu chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân theo quy định tại Điều 38 Luật Hôn nhân Gia đình.

[4.1] Xét tại đơn khởi kiện ban đầu, nguyên đơn yêu cầu chia bao gồm khoảng 10.000m^2 nhưng nguyên đơn thay đổi yêu cầu, không yêu cầu chia phần đất này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4.2] Xét yêu cầu còn lại của nguyên đơn: Nguyên đơn yêu cầu chia tổng số tiền nhận tiền bồi thường và hai nền tái định cư do bị ảnh hưởng Dự án Thành phần 3 thuộc dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc – Cần Thơ – Sóc Trăng giai đoạn 1 (Gọi tắt đường bộ cao tốc). Theo Công văn số 1696 ngày 02 tháng 8 năm 2024, của Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Hậu Giang (Gọi tắt là Công văn 1696) xác định: Tổng số tiền của Huỳnh Văn M được bồi thường, hỗ trợ bao gồm về đất, nhà, công trình, cây trồng, chuyển đổi nghề và tái định cư là: 915.200.661 đồng và hai nền tái định cư. Ông M đã nhận 875.200.661 đồng. Còn lại 40.000.000 đồng ông M chưa nhận.

[4.3] Theo các Công văn số 2036/UBND-NC, ngày 02 tháng 10 năm 2024, Công văn số 2062/UBND-NC, ngày 03 tháng 10 năm 2024 và Công văn số 2227/UBND-NC, ngày 28 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện PH xác định: Diện tích đất thu hồi của ông Huỳnh Văn M để làm đường bộ cao tốc là 937,7m^2. Bao gồm đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu N. Tại thời điểm thu hồi đất nêu trên thì ông Huỳnh Văn M, được Hội đồng cấp giấy huyện PH cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất tạm thời số 11680/HĐCG.CNRĐ, ngày 01/11/1997. Theo Quyết định số 10435/QĐ-

UBND, ngày 01 tháng 01 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện PH thì ông Huỳnh Văn M được cấp hai nền tái định cư theo quy hoạch. Ngày 14/8/2024 ông Huỳnh Văn M bốc thăm xác định số thứ tự của hai nền lần lượt là ODT09-22 và ODT09-23, vị trí thuộc đường số 7 trong khu tái định cư Cây Dương, diện tích mỗi nền là 81m^2. Tiếp theo là phải làm các thủ tục nộp tiền thuế sử dụng đất và lệ phí trước bạ theo quy định.

[4.3] Ông M cho rằng đây là khối tài sản riêng của ông M. Hội đồng xét xử xét thấy: Ông M, bà N chung sống từ những năm 1972, thời gian chung sống hơn 50 năm, quá trình chung sống làm ăn có thực hiện nhiều giao dịch để hình thành nênh khối tài sản chung. Xét về nguồn gốc đất bị thu hồi là 937,7m^2, nguyên đơn cho rằng có mua thêm, bị đơn cho rằng đất là cha, mẹ bị đơn cho riêng bị đơn nhưng cũng không được lập thành văn bản. Xét tài sản có được trong thời gian vợ chồng còn hoà thuận, ông M, bà N sử dụng ổn định bấy lâu nay cũng không có ai có bất cứ ý kiến nào phản đối hoặc tranh chấp, mặc nhiên những người này thừa nhận đất này là của vợ chồng ông M, bà N. Bản thân ông M cho rằng là tài sản riêng nhưng cũng không có chứng cứ nào chứng minh là tài sản riêng. Đồng thời, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 01 tháng 01 năm 1997. Xét tại thời điểm cấp giấy là tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông M đang tồn tại. Theo quy định tại khoản 3, Điều 27 Luật hôn nhân năm 2000 và khoản 3, Điều 33 Luật hôn nhân năm 2014, từ đó xác định khối tài sản trên là khối tài sản chung của ông M, bà N trong thời kỳ hôn nhân.

[4.4] Đối với số tiền ông M nhận do được bồi thường, hỗ trợ tại Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Hậu Giang. Ông M cho rằng đã chi xài hết. Xét trong thời gian chung sống, do tin tưởng nhau nên toàn bộ các giao dịch đều do ông M thực hiện, việc nhận tiền bồi thường cụ thể bao nhiêu, chi vào việc gì thì cũng do ông M thực hiện. Xét thấy, việc chi xài số tiền lớn mà bà N hoàn toàn không hay biết, cho thấy ông M tự do hoá trong việc chi, tiêu trong gia đình. Lẽ ra, khi chi tiêu đối với số tiền lớn phải được sự đồng ý của bà N hoặc phải báo cho bà N cùng biết nhưng thực tế bà N không hề biết. Như đã xác định trên, đất bị thu hồi là tài sản chung nên số tiền bồi thường là tài sản chung của ông M, bà N trong thời kỳ hôn nhân.

[4.5] Ngoài ra, ông M còn được nhà nước xét hai nền Tái định cư tại khu dân cư thị trấn C, do xác định khối tài sản hình thành ban đầu là tài sản chung, cho nên hai nền tái định cư này cũng là tài sản chung của ông M, bà N trong thời kỳ hôn nhân.

[4.6] Tổng cộng tài sản chung của ông M, bà N trong thời kỳ hôn nhân tính tới thời điểm xét xử sơ thẩm là 915.200.661 đồng và hai nền Tái định cư. Về nguyên tắc số tài sản này được chia đôi, nhưng có tính công sức đóng góp của mỗi bên. Tuy nhiên, xét về lỗi trong vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng thì ông M lại là người có lỗi làm mất lòng tin nơi bà N. Đồng thời, hiện nay bà N còn có con và cháu ở chung nên trách nhiệm của bà N đối với con, cháu là không hề nhỏ. Qua phân tích, đánh giá chứng cứ, có cơ sở chấp nhận yêu cầu chia tài chung trong thời kỳ hôn nhân của bà N: Mỗi người được chia ½ trong tổng số tiền nhận bồi thường. Tuy nhiên, tại phiên tòa, bà N chỉ yêu cầu ông M chia trả lại 300.000.000 đồng. Đối với các khoản tiền hỗ trợ bổ sung của nhà nước, nếu có phát sinh thêm kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm thì bà N không yêu cầu tiếp tục chia. Yêu cầu này của bà N thì chưa bằng 1/3 trong tổng số tiền nhà nước bồi thường là đã có lợi cho ông M rất nhiều nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với các khoản bồi thường, hỗ trợ bổ sung còn lại thì ông M được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để nhận nhưng phải có nghĩa vụ chia (Giao trả) lại cho bà N 300.000.000 đồng.

[4.7] Đối với hai nền tái định cư, hiện nay ông M đã bốc thăm xác định được số nền là ODT09-22 và ODT09-23, vị trí thuộc đường số 7 trong khu tái định cư Cây dương, diện tích của mỗi nền là 81m^2 thì mỗi người được chia một nền. Tại phiên tòa bà N xác định chia nền nào là do Hội đồng xét xử quyết định. Từ đó Hội đồng xét xử xác định chia cho ông M được quyền sử dụng nền số ODT09-22, vị trí thuộc đường số 7, diện tích nền là 81m^2. Bà N được chia nền số ODT09-23, vị trí thuộc đường số 7, diện tích nền là 81m^2. Mỗi người tự có nghĩa vụ nộp thuế tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ đối với nền tái định cư mình được chia. Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện PH và các cơ quan có thẩm quyền khi tiến hành các thủ tục tiếp tiếp theo để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các bên thì căn cứ vào kết quả giải quyết của Tòa án.

[5] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân: Tại phiên tòa các đương sự đề nghị được miễn án phí. Xét các đương sự là người cao tuổi nên được xét miễn nộp toàn bộ án phí.

Lời đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ chấp nhận;

Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 217, Điều 227, Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự. Các Điều 27, 29, 95, 96, 97 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Các Điều 38, 59, 60, 61, 62 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Các Điều 105, 213 Bộ luật dân sự năm 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị N về việc yêu cầu xin ly hôn với ông Huỳnh Văn M.

2. Về chia tài sản chung:

2.1 Bà Đinh Thị N được chia 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) từ số tiền nhận bồi thường, hỗ trợ do nhà nước chi trả cho ông Huỳnh Văn M.

Ông Huỳnh Văn M có nghĩa vụ giao trả lại bà Đinh Thị N 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng).

Thời gian trả nợ do Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền giải quyết theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2.2 Bà Đinh Thị N được chia một nền tái định cư: Nền số ODT09-23, vị trí thuộc đường số 7, diện tích nền là 81m^2 trong khu tái định cư C phục vụ dự án thành phần 3, thuộc dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc – Cần Thơ – Sóc Trăng giai đoạn 1, tọa lạc tại ấp M, thị trấn C, huyện PH, tỉnh Hậu Giang.

2.3 Ông Huỳnh Văn M được chia một nền tái định cư: Nền số ODT09-22, vị trí thuộc đường số 7, diện tích nền là 81m^2 trong khu tái định cư Cây Dương phục vụ dự án thành phần 3, thuộc dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc – Cần Thơ – Sóc Trăng giai đoạn 1, tọa lạc tại ấp M, thị trấn C, huyện PH, tỉnh Hậu Giang.

Bà Đinh Thị N, ông Huỳnh Văn M được quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền liên quan đến việc cấp nền tái định cư và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất để được đăng ký cấp giấy cho phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án và phù hợp với quy định quản lý của Nhà nước về pháp luật đất đai.

Bà Đinh Thị N, ông Huỳnh Văn M tự có nghĩa vụ đối với việc nộp thuế tiền sử dụng đất và các lệ phí khác đối với diện tích mà cá nhân mình được cấp giấy.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện PH, tỉnh Hậu Giang và các cơ quan có thẩm quyền khác có liên quan, khi tiến hành các thủ tục tiếp tiếp theo để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Đinh Thị N và ông Huỳnh Văn M thì căn cứ vào kết quả giải quyết của Tòa án để giải quyết.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí chia tài sản chung: Bà Đinh Thị N, ông Huỳnh Văn M là người cao tuổi nên được xét miễn toàn bộ án phí.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh HG;
- VKSND huyện PH;
- THADS huyện PH;
-UBND xã T, h.PH, t.Hậu Giang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn T Liêm